

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 24

Phẩm 5: NÓI VỀ NGHIỆP (PHẦN 7)

Như trên đã nói: Bồ-tát trụ định là từ vị nào mà được gọi là trụ định? Vị kia lại ở đâu gọi là định?

Tụng rằng:

*Từ tu nghiệp diệu tướng
Bồ-tát được gọi định
Sinh nhà quý, đường lành
Đủ nam, niệm vững chắc.*

Luận chép: Từ tu có thể chiêu cảm nghiệp quả dị thực ba mươi hai tướng đại sĩ phu, mẫu nhiệm Bồ-tát mới được đặt tên là trụ định, do từ thời gian này cho đến thành Phật, thường sinh cõi thiện và nhà cao quý, v.v...

Sinh cõi thiện, v.v..., nghĩa là sinh vào hàng người, trời, vì trong cõi này phần nhiều thực hành điều thiện, vì tốt đẹp đáng khen, nên đặt tên cõi thiện. Ở trong cõi thiện thường sinh vào nhà cao quý, là Bà-la-môn, hoặc Sát-đế-lợi, nhà trưởng giả giàu có, đại Bà-la-môn. Ở nơi nhà sang trọng, căn cứ đủ thiếu, nhưng Bồ-tát thường đủ căn vượt hơn, thường làm thân nam, còn không làm nữ, hướng chí có thọ thân Phiến-đế, v.v...? Thế gian thế gian thường nghĩ nhớ đến việc làm thiện ở thọ mạng đời trước, thường không bị khuấy phục, lùi lại, tức là thường làm lợi lạc cho tất cả hữu tình, nên trong tất cả thời gian, tất cả phương tiện tâm không mỗi chán, gọi là không bị lui sụt, khuấy phục. Do đó nên gọi là vững chắc.

Lẽ nào không phải quả vị chưa tu nghiệp diệu tướng, với tâm Bồ-đề không thoái chuyển, nên đặt tên trụ chắc chắn chẳng? Vì sao Bồ-tát phải ở vị tu nghiệp diệu tướng, mới được thọ nhận tên Trụ quyết định? Bây giờ, vì trời người mới biết chung, thời gian trước, chỉ chư thiên được

biết vào thời gian ấy, biết chắc chắn cõi, v.v... trước chỉ có Đẳng giác chắc chắn, không phải giác khác.

Tướng nào nên biết tu nghiệp diệu tướng?

Tụng rằng:

*Nam Thiệm-bộ đối Phật
Phật suy xét chỗ thành
Trăm kiếp khác mới tu
Đều trăm phước nghiêm, đẹp.*

Luận chép: Bồ-tát phải ở trong châu Thiệm-bộ, mới có thể tạo, tu dẫn nghiệp diệu tướng. Vì tuệ giác của châu này rất sáng suốt, nhạy bén, nên chỉ là người nam, không phải thân nữ, v.v... Bấy giờ vì đã siêu việt vị nữ, nên ở đây không nên nói, vì nghĩa thường thọ thân nam ở trong bài tụng trước nghĩa đã rõ ràng, nên khi tạo nghiệp này chỉ hiện đối trước Phật, nghĩa là đích thân thấy sắc thân không chung của Phật, với các thứ đặc biệt diệu kỳ của tướng tốt trang nghiêm, có ham muốn dẫn khởi, tư duy cảm nhận loại sắc thân này, không đối trước Như lai không sao phát khởi nên nghiệp của diệu tướng này chỉ duyên tư duy Phật, vì Phật là cảnh thuận đức đáng ưa thích, nên chiêu cảm nghiệp diệu tướng, chỉ do tư duy thành, không phải do tu thành, vì cõi bất định nên chiêu cảm dị thực, vì bị dị thực này trói buộc, nên không phải do văn thành, vì người kia yếu kém nên cũng chẳng phải sinh đắc, vì gia hạnh khởi nên gọi là pháp kia chỉ ở ba vô số kiếp, tu hành Ba-la-mật đa như thí, v.v... trong thân viên mãn, mới có thể được, chỉ là gia hạnh, không phải sinh đắc thiện, chỉ trăm kiếp khác tạo tu không phải nhiều, mỗi diệu tướng có trăm phước trang nghiêm. Trăm tư duy trong đây, gọi là trăm phước, nghĩa là khi sắp tạo mỗi nghiệp diệu tướng, trước khởi năm mươi tư duy định, đối trị thân, khí, theo thứ lớp năm mươi tư duy kia mới khởi dẫn nghiệp một tướng. Về sau, lại khởi năm mươi tư duy thiện, trang nghiêm dẫn nghiệp, khiến được viên mãn.

Năm mươi tư: Dựa vào mười nghiệp đạo mỗi nghiệp đạo đều khởi năm tư. Vả lại, dựa vào nghiệp đạo lìa sát đầu tiên có năm tư:

1. Tư duy lìa sát hại.
2. Tư duy khuyến bảo, dẫn dắt.
3. Tư duy khen ngợi.
4. Tư duy tủy hỷ.

5. Tư duy hồi hướng. Nghĩa là hồi những gì mình tu, hướng đến giải thoát, cho đến tà kiến đều có năm cũng thế.

Có sư khác nói: Căn cứ vào mười nghiệp đạo đều khởi năm phẩm

hạ, v.v... tư duy thiện, trước, sau đều như vậy, như huân tập tĩnh lự.

Có sư khác nói: Dựa vào mười nghiệp đạo mỗi nghiệp đạo khởi năm tư duy:

1. Gia hạnh tịnh.
2. Căn bản tịnh.
3. Sau khởi tịnh.
4. Không phải tâm hại.
5. Niệm nhiếp thọ.

Lại Có sư nói: Mỗi nghiệp tướng, đều làm duyên Phật, chưa hề tập tư duy, đủ mười trăm hiện tiền dùng để nghiêm sức.

Mỗi trăm phước, lượng chúng thế nào?

Có nói: Do dựa vào ba vô số kiếp, tăng trưởng công đức đã nhóm hợp thành thân, phát khởi vô đối, vô số như thế, với lượng phước đức cao quý chỉ Phật biết.

Có nói: Nếu do sức tăng thượng của nghiệp chiêu cảm ngôi vị Luân vương, trị vì bốn châu lớn, tự tại chuyển vận, là lượng một phước.

Có nói: Nếu do sức tăng thượng của nghiệp được làm Đế-thích, trị vì hai tầng trời cõi Dục, Tự tại chuyển vận, là lượng một phước.

Có nói: Chỉ trừ Bồ-tát gần Phật, tất cả hữu tình khác đã tu nghiệp quả giàu vui, là lượng một phước.

Có sư khác nói: Lượng này rất ít, nên nói khi thế giới sắp thành, tất cả hữu tình chiêu cảm sức tăng thượng của nghiệp một đại thiên quốc độ, là lượng một phước.

Nay, Đức Bạc-già-phạm, xưa khi làm Bồ-tát, trong ba vô số kiếp, mỗi kiếp đều cúng dường bao nhiêu Đức Phật?

Tụng rằng:

*Ở ba vô số kiếp
Đều cúng dường bảy vạn
Lại, thứ lớp cúng dường
Năm, sáu, bảy, ngàn Phật.*

Luận chép: Trong vô số kiếp đầu tiên, cúng dường bảy vạn năm ngàn vị Phật. Kế là, trong vô số kiếp cúng dường bảy vạn sáu ngàn vị Phật, sau trong vô số kiếp cúng dường bảy vạn bảy ngàn vị Phật.

Ba vô số kiếp, mỗi khi viên mãn và phát tâm đầu tiên đều gặp các vị Phật nào?

Tụng rằng:

Ba vô số kiếp mãn

*Nghịch lại gặp Thắng Quán
Phật Nhiên Đăng, Bảo Kế
Thích-ca Mâu-ni đầu.*

Luận chép: Nói thứ lớp nghịch: Từ sau tới trước, gọi là vô số kiếp thứ ba đủ đã thờ phụng Phật, hiệu là Thắng Quán. Kiếp thứ hai mãn, thờ phụng Phật danh là Nhiên Đăng. Kiếp thứ nhất mãn thờ phụng Phật tên là Bảo Kế. Vô số kiếp thứ nhất, đầu tiên, gặp Thích-ca Mâu-ni, nghĩa là Đức Thế tôn của ta mới phát tâm, gặp một Bạc-già-phạm, hiệu Thích-ca Mâu-ni. Khi Đức Phật kia ra thế gian, đang ở kiếp cuối, sau diệt, chánh pháp chỉ trụ một ngàn năm.

Bấy giờ, Đức Thế tôn ta là con của người thợ gốm, ở chỗ Đức Phật kia, khởi tâm tịnh ân cần, dùng dầu hương để thoa, dùng nước hương để tắm, thiết lễ cúng dường Phật rồi, phát thệ nguyện rộng lớn: Nguyện ta sẽ thành vị Phật như Thế tôn hiện nay.

Vì thế, nay Như lai mỗi pháp đều đồng với Đức Phật kia.

Bồ-tát Thích-ca ta đã ở trong vị nào, Ba-la-mật nào tu tập viên mãn?

Tụng rằng:

*Chỉ do bi thí khắp
Bị xẻ thân, không giận
Khen ngợi Phật Đễ-sa
Kế Bồ-đề vô thương.
Sáu Ba-la-mật đa
Ở bốn vị như thế
Một, hai, lại một, hai
Như thế tu viên mãn.*

Luận chép: Bồ-tát phát nguyện, lúc tu thí đầu tiên, chưa thể bố thí khắp tất cả hàm thức, tất cả vật, chỉ vận dụng tâm bi.

Bồ-tát kia, ở thời gian sau, nhờ sức tu tập quán, nên chuyển vận tâm bi thêm nhiều, có thể bố thí khắp tất cả hữu tình, chẳng phải tất cả vật. Đôi khi Bồ-tát đối khắp với tất cả, bố bố thí tất cả, chỉ do tâm bi, không phải tự mong cầu sự sai khác của sinh, vượt hơn, như thế là tu tập viên mãn bố thí Ba-la-mật đa. Hoặc có lúc Bồ-tát bị cắt xẻ chi thân, dù chưa lìa tham dục, nhưng tâm vẫn không hề có chút giận dữ, như thế là tu tập viên mãn Giới, Nhẫn Ba-la-mật đa.

Hoặc có khi Bồ-tát tinh tấn mạnh mẽ, dùng một Già-tha, suốt trong bảy ngày, khen Phật Đễ-sa, được vượt qua chín kiếp, ngang đây là tu tập viên mãn Tinh tấn Ba-la-mật đa. Hoặc có khi Bồ-tát ở tòa Kim

cương sắp lên Chánh giác Bồ-đề Vô thượng, kể là vô thượng giác trước trụ định Kim cương dụ, ngang đây là tu tập viên mãn định, tuệ Ba-la-mật đa. Về lý, lẽ ra vị này Vô gián mới viên mãn, vì khi được tận trí vị này mới mãn, vì riêng có thể đạt đến bờ bên kia viên đức, nên sáu pháp này gọi là Ba-la-mật đa.

Khế kinh nói: Có ba việc phước:

1. Việc phước của loại thí.
2. Việc phước của loại giới.
3. Việc phước của loại tu.

Ở đây, vì sao đặt tên việc phước?

Tụng rằng:

*Ba loại: thí, giới, tu
Đều tùy sự thích ứng
Được gọi sự nghiệp phước
Sai khác như nghiệp đạo.*

Luận chép: Ba loại đều là phước, hoặc nghiệp, hoặc sự, tùy theo chỗ thích ứng với sự nghiệp đó, như nói nghiệp đạo nghĩa là như phân biệt trong mười nghiệp đạo, có khi nghiệp cũng là đạo, có khi đạo không phải nghiệp.

Trong đây, có khi phước vừa là nghiệp, vừa là sự, có khi phước, nghiệp không phải sự, có khi phước, sự, không phải nghiệp. Có khi chỉ là phước, không phải nghiệp, không phải sự. Vả lại, hai nghiệp thân, ngữ trong loại thí, đủ nghĩa của ba thứ: phước, nghiệp, sự, vì gọi là thiện, nên là phước, vì tạo tác nên cũng gọi là nghiệp, là công năng cùng khởi từ nghiệp, thân, ngữ vì chuyển vận ở môn chỗ dựa, nên cũng gọi là sự. Tư duy đẳng khởi, chỉ gọi là phước nghiệp tư đều có pháp chỉ thọ tên phước. Loại giới vì chỉ có tánh của nghiệp thân, ngữ, nên đều thọ đủ tên: phước, nghiệp, sự. Từ (bi) trong loại tu, chỉ gọi là phước, sự, là sự của nghiệp. Từ tương ứng với tư, dùng từ làm môn mà tạo tác, nên từ đều có tư. Giới chỉ gọi là phước, nghiệp, ngoài ra đều có pháp chỉ thọ tên phước. Bi, v.v... y theo Từ này, nên tư duy, lựa chọn.

Có nói: nghiệp phước hiểu thị rõ nghĩa tạo ra phước, gọi là gia hạnh của phước, sự biểu thị rõ đối tượng nương tựa, nghĩa là thí, giới, tu là sự của nghiệp phước, vì thành ba việc kia, nên khởi gia hạnh phước.

Có nói: Chỉ tư là nghiệp phước chân thật, Sự của nghiệp phước, nghĩa là thí, giới, tu, dùng ba làm môn, vì chuyển vận nghiệp phước.

Pháp nào gọi là thí? Thí chiêu cảm quả nào?

Tụng rằng:

*Do đây xả tên thí
 Vì cung cấp, vì ích?
 Thân, ngữ, và năng phát
 Chiêu cảm quả giàu to.*

Luận chép: Dù là vật, đối tượng xả và chủ thể xả, đủ đều có thể gọi là thí, ở trong đây đã đặt tên thí, chỉ dựa vào xả đủ, nghĩa là do đó, xả đủ sự được thành, nên xả đối tượng tư duy là thể của thí thân, như cảnh, đối tượng độ không được lượng danh, đối tượng lập lượng danh dựa vào chủ thể độ đủ, hoặc vì chứa để danh dự vượt hơn, truyền tập, tùy theo thân yêu người khác, gần gũi nương tựa.

Do xả như thế, v.v..., sự cũng thành, nhưng không phải ý chánh trong đây nói. Vì phân biệt xả kia, nên nói lời cung cấp, hay làm lợi ích. Đối với Niết-bàn của mình, chỉ vì cúng dường, đối với người khác cũng vì làm lợi ích các căn đại chúng kia. Khi có thực hành bố thí, chỉ vì làm lợi ích cho người.

Thế nào là gọi đủ?

Nghĩa là nghiệp thân, ngữ và năng phát này.

Thế nào là năng phát?

Nghĩa là vô tham đều có công năng khởi nhóm ấy, tức nghiệp thân, ngữ và tâm, chủ thể khởi và vô tham ấy đều hiện hành, gọi chung là như có thể của thí.

Tụng rằng:

*Nếu người dùng tâm tịnh
 Nghỉ rồi mà hành thí
 Uẩn thiện sát-na này
 Điều gọi chung là thí.*

Nên biết sự nghiệp phước của loại thí như thế, hồi hướng giải thoát, cũng được quả ly hệ, mà y cứ vào sự chắc chắn gần vì chỉ gọi là công năng chiêu cảm quả giàu có, của cải lớn.

Dựa vào đâu để đặt tên giàu có của quả này?

Vì của tốt đẹp, rộng lớn không thể cướp đoạt.

Vì được lợi ích gì mà thực hành bố thí?

Tụng rằng:

*Vì ích cả mình, người
 Không vì hai hành thí.*

Luận chép: khi thí chủ bố thí, quán sát hai lợi ích:

1. Vì ích mình chiêu cảm quả căn thiện.
2. Vì ích lợi đại chúng của các căn người khác.

Thí chủ có hai:

1. Có phiền não.
2. Không có phiền não.

Có phiền não lại có hai thứ:

1. Chưa lìa tham dục.
2. Đã lìa tham dục.

Trong hai thứ này, đều có hai thứ:

1. Các bậc Thánh.
2. Các phàm phu.

Ở đây, bậc Thánh chưa lìa tham dục và phàm phu chưa lìa tham dục, dâng cúng Chế-đa (Tháp) chỉ vì ích mình, nghĩa là tự tăng trưởng hai thứ căn thiện:

1. Công năng chiêu cảm sự giàu có làm quả.

2. Vì được tư lương của nghĩa trên, các hữu đã lìa tham dục, bậc Thánh dâng cúng chế-đa, trừ thuận với hiện thọ, không chiêu cảm sự giàu có, vì người kia đã có khả năng rất ráo siêu việt địa dị thực kia, chấp nhận vì được tư lương của nghĩa trên. Cho nên, cũng gọi chỉ vì làm lợi ích cho mình, không phải người này làm lợi ích đại chúng căn của người khác, nên không làm lợi ích cho người khác.

Không có phiền não: nghĩa là bố thí hữu tình khác chỉ vì làm lợi ích người khác, nghĩa là hay làm ích đại chúng các căn người của khác, không phải tự tăng trưởng. Hai thứ căn thiện trừ thuận với hiện thọ. Có phiền não, nghĩa là bố thí hữu tình khác, là cả hai đều có lợi ích. Không có phiền não, nghĩa là dâng cúng chế-đa, trừ thuận với hiện thọ, không vì hai lợi ích.

Trước đã nói chung về bố thí, chiêu cảm giàu có. Nay, kể là sẽ nói về nhân riêng của quả bố thí.

Tụng rằng:

*Do chủ của ruộng khác
Nên quả thí sai khác.*

Luận chép: Thí có sai khác do ba thứ nhân, nghĩa là vì của, ruộng, chưa có khác nhau, vì bố thí sai khác, nên quả có khác nhau.

Nói của, ruộng chủ có khác nhau, nghĩa là của, ruộng, chủ loại như thế, hơn, kém khác với của, ruộng chủ khác. Và lại, do thí chủ có khác nhau. Tụng rằng:

*Chủ khác do tín thấy
Hành thí kính trọng thấy
Được tôn trọng, ái rộng*

Hợp thời, quả khó đoạt.

Luận chép: Hoặc có thí chủ đối với nhân quả được tín chắc chắn. Hoặc có thí chủ đối với nhân quả, tâm hoài nghi do dự. Hoặc có thí chủ theo dục như thế. Hoặc có thí chủ đủ Thi-la tịnh, hoặc ít, thiếu, trái, hoặc hoàn toàn không có giới. Hoặc có thí chủ học rộng đầy đủ về giáo pháp Phật. Hoặc có thí chủ ít nghe, hoặc không có nghe, v.v... mà thực hành huệ thí.

Vì thí chủ đủ tín căn, giới, văn, v.v..., công đức khác nhau, nên gọi là chủ khác. Vì chủ khác, nên sự bố thí thành ra khác nhau, vì sự bố thí khác nhau nên được quả có khác.

Có các thí chủ có đủ đức như thế, có khả năng đúng như pháp thực hành bố thí như kính trọng, v.v... Như thứ lớp, ấy là được bốn quả như tôn trọng, v.v..., nghĩa là nếu thí chủ thực hành bố thí một cách kính trọng, thì sẽ chiêu cảm thưởng được người khác kính trọng. Nếu tự tay bố thí, ấy là có thể chiêu cảm được thọ dụng yêu thích tài sản rộng lớn. Nếu bố thí hợp thời, thì sẽ chiêu cảm của cải hợp thời, mọi nhu cầu cần thiết đúng lúc, không phải thời gian khác. Nếu không gây hao tổn cho người khác, thì sự bố thí sẽ chiêu cảm nhiều của tiền, không bị vua, hỏa hoạn, v.v... xâm hoại.

Do của cải bố thí có khác nhau, tụng rằng:

*Của khác, do sắc thấy
Được sắc đẹp, danh tốt
Các ái, thân mềm mại
Có tùy thời ưa chạm.*

Luận chép: Do của vật bố thí hoặc thiếu, hoặc đủ sắc, hương, vị, xúc, như thứ lớp ấy là được. Hoặc thiếu, hoặc đủ, quá sắc tốt đẹp, v.v... Nghĩa là vì của, sắc bố thí đầy đủ, nên chiêu cảm sắc, hương đẹp đầy đủ. Ấy là chiêu cảm danh tốt, như hương thơm ngào ngạt tỏa khắp các phương.

Vì vị đầy đủ nên chiêu cảm các thứ yêu thích, như vị ngon, được mọi người ưa thích.

Vì tiếp xúc đầy đủ, nên chiêu cảm thân mềm mại, và có tùy thời sinh xúc lạc thọ. Nếu của bố thí có thiếu sót, thì quả sẽ giảm ít theo.

Như thế, cũng do đủ sắc, hương, v.v..., nên gọi của cải khác, vì của cải khác, nên thể bố thí và quả đều có khác nhau. Do ruộng bố thí có khác nhau. Tụng rằng:

*Ruộng khác do cõi khổ
Ơn đức có sai khác.*

Luận chép: Do ruộng, bố thí hưởng đến khổ các đường, ơn đức đều có khác nhau, nên gọi là ruộng khác. Vì ruộng khác, nên quả thí có đặc biệt. Do cõi khác nhau, như Đức Thế tôn nói: Nếu bố thí bàng sinh thì sẽ thọ hưởng quả gấp một trăm lần, bố thí người phạm giới sẽ chiêu cảm thọ quả gấp ngàn lần. Do các khổ riêng, như bảy hữu dựa vào phước, nghiệp, sự. Ở trước nói: Nên bố thí khách, hầu hạ, chăm sóc người bệnh, vườn rừng, thức ăn hằng ngày và y phục mặc lúc gió rét, v.v... thức ăn, thuốc uống tùy từng thời tiết. Lại nói: Nếu có đầy đủ người nam, nữ tín tịnh, thì sẽ thành nói ở đây.

Bảy thứ hữu dựa vào phước, nghiệp, sự, nghĩa là phước đức đã được không thể nhặt lấy, đo lường. Nay, ở trong đây, vì duyên khác nhau nên khổ có khác, do trừ thọ, vì khổ khác nhau, nên quả có khác nhau. Do ơn riêng: như cha, mẹ, thầy, và có ơn khác, như gấu, nai, v.v...

Kinh ả Sinh nói: Các loại có ơn, đối với chỗ có ơn, khởi các nghiệp ác, quả hiện có thể biết. Do đó so sánh biết, thực hành việc thiện để trả ơn, hiệu quả ấy chắc chắn phải do đức riêng, như Khế kinh nói: Người bố thí giữ giới được quả gấp trăm, ngàn lần, cho đến bố thí Phật, sẽ được hưởng quả thật vô lượng. Mặc dù đều vô lượng, nhưng cũng có nhiều, ít, như số giọt nước của biển cả, sông Căng-già, như đối với tài thí, thì pháp thí là tôn quý.

Căn cứ tài thí, những gì là vượt hơn?

Tụng rằng:

Thoát đối thoát, Bồ-tát

Thí thứ tám hơn hết.

Luận chép: Nếu người đã giải thoát, ruộng bố thí đã giải thoát, thì đối với tài thí, ruộng đã giải thoát này là hơn hết. Nếu các Bồ-tát đã dùng ý ưa thích vượt hơn, bình đẳng muốn lợi lạc cho tất cả hữu tình, vì đại Bồ-đề mà thực hành huệ thí. Dù không phải thí giải thoát, ruộng giải thoát, nhưng trong phước thí này là vượt hơn. Ngoại trừ huệ thí này còn có phước thí thứ tám trong tám thứ thí, cũng rất vượt hơn. Tám thí đó là:

1. Thí khi có dịp.
2. Thí vì sợ hãi.
3. Thí để báo ơn.
4. Thí mong cầu quả báo.
5. Thí do thói quen từ trước.
6. Thí cầu sinh lên cõi trời.

7. Thí vì danh.

8. Thí vì trang nghiêm.

Tâm vì giúp đỡ, tâm vì giúp đỡ Du-già.

Vì được nghĩa trên mà thực hành huệ thí, như Đức Thế tôn nói:

Thí là quả Thánh vô lượng.

Vả lại, thí không phải quả Thánh cũng vô lượng chăng?

Tụng rằng:

Cha, mẹ, bệnh, pháp sư

Bồ-tát thân sau cùng

Nếu người không chứng thánh

Quả thí cũng vô lượng.

Luận chép: Năm thứ như thế nếu phàm phu này là người bố thí, cũng có thể chiêu cảm quả vô lượng. Trụ hữu sau cuối, gọi là thân sau cuối. Bố thí pháp sư trong bốn ruộng là thuộc về ruộng ơn, tất cả có thể chiêu cảm nghiệp quả vô lượng.

Loại phẩm thượng, hạ đều bình đẳng chăng? Không như vậy thì thế nào?

Vì sáu nhân, nên khiến cho tất cả nghiệp đều thành phẩm nhẹ, nặng.

Sáu nhân ấy là:

Tụng rằng:

Khởi sau, ruộng, căn bản

Gia hạnh, tư, a-thế-da

Vì do trên, dưới này

Nghiệp thành phẩm thượng, hạ.

Luận chép: Khởi sau, nghĩa là tác nghiệp này rồi, hoặc tức khắc, hoặc thường thường, theo trước mà làm. Ruộng, nghĩa là đối với ruộng kia, làm thiện, làm ác. Căn bản là nghiệp đạo căn bản. Gia hạnh, là dẫn phát thân, ngữ kia. Tư, nghĩa là do đạo nghiệp kia rốt ráo. Ý ưa thích, nghĩa là tất cả ý thú, ta cần phải làm như thế, như thế. Nếu có sáu nhân đều là phẩm thượng, nghiệp này rất nặng, trái với nghiệp nặng này là nghiệp rất nhẹ. Trừ trung gian: không phải rất nhẹ, nặng. Như thế kinh nói: xem xét, tư duy, tác nghiệp, gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng.

Do đâu gọi nghiệp là tăng trưởng?

Do năm thứ nhân.

Năm nhân là:

Tụng rằng:

*Do xét kỹ viên mãn
Không đối trị ác tác
Vì có bạn, dị thực
Nghệp này gọi tăng trưởng.*

Luận chép: Vì xem xét tư duy, nghĩa là xem xét, tư duy mà tạo tác, không phải theo tư duy tạo tác, cũng không phải hoàn toàn không tư duy. Vì viên mãn, nghĩa là ngang với nghiệp lượng này, lẽ ra phải đọa đường ác, nghiệp ấy viên mãn, gọi là tăng trưởng, nghiệp khác chỉ tạo tác. Vì không có đối trị ác tác, gọi là không có ăn năn, không có nghiệp đối trị.

Vì có bạn, nghĩa là tạo nghiệp bất thiện, bất thiện làm bạn giúp đỡ.

Vì dị thực, nghĩa là thời phần nếu không nhất định, thì chắc chắn sẽ trái với dị thực thiện trên. Khác với dị thực này nên biết chỉ gọi là tạo tác.

Như trên đã nói, chưa lìa dục, v.v..., dâng cúng chế-đa, chỉ vì tự lợi ích. Đã không có người thọ dụng thì phước thí sẽ thành ra sao?

Tụng rằng:

*Phước loại: xả, Chế-đa
Như từ ... không có thọ.*

Luận chép: Không phải ta chỉ thừa nhận đã bỏ của vật, thì người thọ nhận thọ dùng, phước thí mới thành.

Thừa nhận là sao?

Nghĩa là các phước thí, lược có hai loại:

1. Xả.
2. Thọ.

Xả phước loại, nghĩa là do tâm thiện, chỉ xả tiền của, phước thí bèn khởi.

Người thọ loại phước, nghĩa là ruộng bố thí, cho thọ dụng vật thí, phước thí mới khởi. Đối với chế-đa đã dâng cúng dụng cụ cung cấp, dù không có loại thọ, có phước của loại xả, nhưng phước của loại xả, đầu tiên xả tiền bạc, của cải, phước này liền thành. Vì đối trị tham, nên vô tham đều có tư duy cùng khởi, nên xả của tiền rồi, thuận theo ruộng đã thí, thọ dụng, hoặc không thọ dụng vật, phước thí vẫn không mất.

Nếu không như vậy thì có bố thí Tăng-già, hoặc người khác, v.v..., các dụng cụ giúp ích cho đời sống, hoặc trong khi người thọ thí kia chưa sử dụng, vật bèn hư hoại, mất mát, như thế vật dụng của thí chủ chẳng lẽ vô ích hay sao? Vì phước thí sẽ bất sinh, không có quả đương lai

chăng?

Người kia chưa dùng thì phước do đâu sinh? Phước dụng không có mà có phước thọ.

Chế-đa không có phước thọ, do đâu sinh? Lại nữa, do đâu chứng biết?

Phước sinh phải do thọ lãnh, không thọ lãnh thì đối với người kia, vì không có gồm nhiếp lợi ích, nên phước sinh này không phải định chứng. Vì sao? Vì như phước tu từ, v.v... cũng sinh, gọi là tu từ định. Đối với các hữu tình bình đẳng phát khởi ý ưa thích cho vui. Dù không có người thọ, cũng không gồm nhiếp lợi ích, nhưng vì sức của thắng giải có nhiều phước sinh, nên tu bi, v.v... chắc chắn sẽ được phước cũng vậy, thí loại phước chế-đa lẽ ra cũng như thế. Đeo đuổi ở ruộng có đức, sinh thắng giải, khởi tôn kính cùng cực, dâng cúng chế-đa. Dù không có người thọ, cũng không có gồm nhiếp lợi ích, do sức tâm mình có nhiều phước sinh, nhưng không vô ích, khởi nghiệp thí kính, phải do khởi nghiệp mới khởi tư duy thù thắng, vì tư duy thù thắng mới có thể sinh phước thù thắng.

Có người lập vấn nạn: Ở ruộng thiện, đã gieo trồng giống nghiệp bố thí. Đã là quả ái sinh, lại trồng ở ruộng xấu thì quả là phi ái phải chăng?

Vấn nạn này thật phi lý. Vì sao? Tụng rằng:

Ruộng xấu có quả ái.

Quả gieo không trái ngược.

Luận chép: Hiện thấy quả được trồng trong ruộng không có trái ngược, từ hạt giống vị độ ca, quả đắng không bao giờ sinh, trong giống nhân-bà không sinh quả ngọt, chẳng phải do quả, hạt giống của sức ruộng có trái ngược. Tuy nhiên, do lỗi ở ruộng, đã gieo trồng hạt giống, hoặc sinh quả ít, hoặc quả hoàn toàn không có.

Như thế, dù trồng thí nơi ruộng xấu, nhưng do thí chủ với tâm đem lại lợi ích yên vui cho người, nên chỉ quả ái sinh, không chiêu cảm phi ái.

Đã nói về loại thí, nay sẽ nói về loại giới.

Tụng rằng:

Lìa phạm giới và già

Gọi giới đều có hai

Chẳng phạm giới nhân hoại

Dựa trị, diệt tịnh thấy.

Luận chép: Nói phạm giới, nghĩa là các sắc bất thiện, tức từ sát

sinh, cho đến lời nói uế tạp. Tội tánh trong đây đặt tên là phạm giới.

Giá, nghĩa là điều mà Phật ngăn dứt, tức ăn phi thời, v.v..., dù không phải tội tánh, nhưng Đức Phật vì giữ gìn chánh pháp, nên có ý ngăn dứt riêng hữu tình. Người thọ giới, phạm cũng gọi là phạm giới. Vì phân biệt tội tánh, nên chỉ đặt tên là già. Là tánh và già, đều gọi là giới. Tánh, giới này đều có hai, gọi là biểu, vô biểu, vì lấy nghiệp thân, ngữ làm tự tánh, nên giới có đủ bốn đức được gọi là thanh tịnh, hễ có đức nào giảm, thì không gọi thanh tịnh.

Nói bốn đức là:

1. Không bị phạm giới làm hoại. Nói phạm giới, nghĩa là xem xét, tư duy việc phạm.

2. Không bị nhân phạm giới kia làm hoại. Nguyên nhân phạm giới kia, gọi là phiền não, tùy phiền não như tham, v.v...

3. Dựa vào trị, nghĩa là dựa vào niệm trụ, v.v... Niệm này có thể đối trị phạm giới và nguyên nhân phạm giới.

4. Căn cứ ở diệt, nghĩa là y cứ ở Niết-bàn, hồi hướng Niết-bàn, vì không phải có của. Vì nói rõ lại có nói khác.

Có nói: Giới tịnh do năm thứ nhân:

1. Căn bản tịnh.
2. Quyến thuộc tịnh.
3. Không phải tầm hại.
4. Niệm nhiếp thọ.
5. Hồi hướng vắng lặng.

Đã nói về loại giới, nay sẽ nói về loại tu.

Tụng rằng:

*Đẳng dẫn thiện, gọi tu
Vì hay huân tập tâm.*

Luận chép: Đẳng dẫn thiện, nghĩa là tự tánh đẳng trì ở trong định và thiện kia đều có, tức đây gọi là tu, vì rất huân tập tâm, nên tu nghĩa là hun đúc như ướp hoa vào vải sợi, nghĩa là các định thiện, nối tiếp ở tâm rất huân tập, khiến thành loại đức, không phải thiện bất định, nên gọi riêng là tu.

Ở trước đã nói về phước của bố thí, có thể chiêu cảm sự giàu có, hai loại là: giới, tu đã chiêu cảm thì thế nào?

Tụng rằng:

*Giới, tu hơn, như thế
Cảm sinh trời, giải thoát.*

Luận chép: Giới chiêu cảm sinh lên cõi trời, tu chiêu cảm giải

thoát. Nói vượt hơn, vì biểu thị rõ, y cứ vượt hơn mà nói, nghĩa là bố thí, cũng có thể chiêu cảm quả sinh lên cõi trời là y cứ vượt hơn để nói giới. Giữ giới cũng có thể chiêu cảm quả ly hệ là y cứ vượt hơn để nói tu.

Như thế, giữ giới cũng chiêu cảm giàu có, y cứ vượt hơn để nói thí. Căn cứ so sánh nên biết.

Kinh nói: Bốn người được sinh lên cõi trời Phạm phụ:

1. Vì cúng dường Như lai Đà-đô, xây tháp ở chỗ chưa từng có.
2. Vì cúng dường tăng già bốn phương, kiến tạo chùa, bố thí vườn, cung cấp bốn việc.

3. Đệ tử Phật bị phá rồi, có thể hòa giải.

4. Tu hạnh từ, v.v... khắp các hữu tình.

Phước Phạm như thế, lượng của phước Phạm ra sao?

Tụng rằng:

Cảm kiếp sinh cõi trời

Là một lượng phước Phạm.

Luận chép: Có sư khác nói: Tùy theo phước, có thể chiêu cảm một kiếp sinh lên cõi trời, thọ hưởng các vui sướng như thế, gọi là lượng một phước Phạm vì trời kia khi chiêu cảm thọ vui sướng, đồng với trời Phạm Phụ sống lâu một kiếp. Do ở bộ khác có Già-tha nói:

Có người tin chánh kiến

Tu mười hạnh thù thắng

Ấy là sinh phước Phạm

Cảm kiếp vui cõi trời.

Người đã lìa dục, tu bốn vô lượng, sinh lên trời cõi trên, thọ kiếp vui sống lâu. Nếu chưa lìa dục, xây tháp, dựng chùa, hòa hợp tăng, hay siêng năng tu tập gia hạnh từ, v.v..., thì người kia cũng như tu căn bản vô lượng, chiêu cảm kiếp vui cõi trời.

Có sư khác nói: Tu hạnh cao quý này, như đã nói.

Đã nói về lượng phước trong nghiệp diệu tướng. Khế kinh nói: Thí, lược có hai thứ:

1. Thí của.

2. Thí pháp.

Đã nói về thí của, thế nào là thí pháp?

Tụng rằng:

Thí pháp là như thật

Không nhiễm, biện giải kinh.

Luận chép: Nếu có thể như thật vì các hữu tình, dùng tâm không nhiễm để nói về Khế kinh, v.v..., sao cho sinh hiểu biết đúng như thật,

gọi là pháp thí.

Người cho pháp nói lời như thật là rõ ràng nói người thí pháp, trong khế kinh giải thích không điên đảo. Nói tâm bất nhiễm là người thí pháp không mong cầu lợi dưỡng, cung kính, danh dự. Không như vậy, là mình và người đều tổn phước.

Khế kinh vân vân. Vân vân là mười một pháp kinh còn lại, tức chỉ rõ Khế kinh cho đến Luận nghị.

Nói Khế kinh, nghĩa là gồm thâm chung, dung nạp, thuận theo thực tục, thẳng nghĩa, lời nói của lý chắc thật.

Như thế, Khế kinh là do Phật nói, hoặc đệ tử Phật, vì được Phật chấp thuận, nên nói.

Nói ứng tụng, nghĩa là dùng câu, lời nói để chấp nối sự mâu nhiệm, thù thắng, thuận theo thuật lại, ca ngợi nói mà Khế kinh đã nói ở trước.

Có nói: Cũng là kinh bất rõ nghĩa.

Nói ký biệt, nghĩa là thuận theo câu hỏi, đáp phân tích, như đã nói trong Ba-la-diễn-noa, v.v... Hoặc tất cả các lời nói giải thích về nghĩa chân thật đã từng, đương lai, hiện tại, đều gọi là ký biệt.

Có nói: Là kinh rõ nghĩa của Chư Phật.

Nói phúng tụng: nghĩa là dùng câu, lời nói để biên tập nghĩa mâu nhiệm, cao siêu, không phải thuận theo ở trước mà là khen, vịnh, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu câu, v.v...

Nói tự nói, nghĩa là không do thỉnh, mà là vì Đức Thế tôn muốn cho chánh pháp trụ lại thế gian lâu hơn xem, việc ít có, kỳ diệu, với ý vui vẻ tự nói, lưu truyền vi diệu, v.v..., như nói: Na-già này do Na-già kia, v.v...

Nói duyên khởi, nghĩa là nói rõ tất cả lý do Phật khởi nói, phần nhiều là điều phục, tương ứng, luận đạo, để biểu thị rõ do duyên khởi kia.

Nói thí dụ: Vì khiến cho tỏ ngộ rõ tông nghĩa đã nói, đã dẫn phát rộng nhiều môn, nhằm đối chiếu khai thị, như Trường dụ, v.v... mà Khế kinh nói

Có nói: Đây là trừ các Bồ-tát nói ả hạnh khác, có thể có đối tượng chứng, biểu thị lời nói đã hóa độ.

Nói ả sự, nghĩa là nói từ xưa lần lượt truyền đến, không nói rõ người bàn luận mà nói về sự.

Nói ả sinh, nghĩa là giảng nói về công hạnh mà Bồ-tát vốn đã thực hành, hoặc dựa vào việc quá khứ, khởi các ngôn luận, tức do ngôn luận

rốt ráo của việc quá khứ, gọi là ả sự, như kinh Mạn-Đà-Đa.

Nếu y cứ ở sự hiện tại khởi các lời nói, thì phải do ngôn luận rớt ráo của sự quá khứ, đây gọi là ả sinh, như kinh La Sát Tư.

Nói Phương quảng, nghĩa là dùng chánh lý để nói về rộng các pháp, vì tánh, tướng của tất cả pháp nhiều, nếu không phải ngôn từ rộng, thì sẽ không thể giải thích, cũng gọi là rộng phá. Do lời nói rộng này có khả năng xua tan bóng tối vô trí cực kỳ vững chắc, hoặc gọi là vô tử, vì nói rộng lý hướng đến rộng lớn, sâu xa, không gì so sánh được.

Có nói: Đây là nói về rộng về tư lương đại Bồ-đề.

Nói pháp ít có, nghĩa là ở trong đây chỉ nói pháp xuất thế gian mầu nhiệm ít có. Do đó, có thể chỉ rõ, pháp ba thừa ít có.

Có sự khác nói: Nói về Tam bảo vì nói những gì thế gian ít nghe, nên gọi pháp ít có.

Nói luận nghị, nghĩa là trong nghĩa của các phần đã nói ở trên, được chỉ rõ, giải thích về vấn nạn, để chắc chắn lựa chọn.

Có nói: Về nghĩa sâu xa mà kinh nói, đã thấy chân thật, nghĩa là hoặc người trí khác, thuận theo lý, nói về, giải thích, cũng gọi là nghị luận, tức nghĩa này gọi là Ma-đát-ly-ca. Khi giải thích về nghĩa kinh khác, đây là vì “ả mẫu” là A-tỳ-đạt-ma, vì thị hiện đối với các pháp tướng, nên không có trái ngược, bảo cho biết rõ về các pháp tướng.

Như vậy đã nói về mười hai phần giáo, lược nói, nên biết thuộc về ba tạng. Nói ba tạng là:

1. Tạng Tố-đát-lãm.
2. Tạng Tỳ-nại-da.
3. Tạng A-tỳ-đạt-ma.

Sự sai khác giữa ba tạng như thế ra sao?

Chưa gieo trồng căn thiện, chưa vui mừng, thắng nghĩa, vì khiến gieo trồng, vui mừng, vì nói Khế kinh.

Đã gieo trồng, đã vui mừng, khiến thuần thực nối tiếp, vì làm những việc được làm, vì nói điều phục.

Đã thành thực, đã tạo tác, khiến giác ngộ, giải thoát, làm chánh phương tiện, nên nói Đối Pháp. Hoặc dùng văn từ trong sáng lược, rộng, nối liền tạp nhiễm và pháp thanh tịnh, sao cho dễ hiểu rõ, gọi là Khế kinh, giảng nói tu hành phương tiện tịnh mạng, phép tắc Thi-la, gọi là điều phục. Khéo biểu thị thọ nghĩa lý sâu mầu trong các Khế kinh, gọi là Đối Pháp. Hoặc y cứ vào giới, tuệ, học của tâm tăng thượng, phát khởi biện luận đạo. Như thứ lớp của học giới, tuệ, gọi là Đối pháp, điều phục, Khế kinh.

Hoặc tạng Tố-đất-lãm là năng lực đấng lưu. Do nghĩa lý đã nói trong các kinh, không hề có năng lực khuất phục.

Tạng Tỳ-nại-da là đại bi đấng lưu vì nói Thi-la cứu giúp đường ác.

Tạng A-tỳ-đạt-ma là vô úy đấng lưu, khéo léo an lập trong tướng pháp chân thật vì hỏi, đáp, chắc chắn lựa chọn, không gì sợ.

Ba tạng của loại như thế, v.v... khác nhau, đã phân biệt rộng trong Tỳ-bà-sa.

Trước đã giải thích riêng về ba thứ phước, nghiệp, sự, nay sẽ giải thích thuận với thiện của ba phần ở trong kinh. Tụng rằng:

Thuận phước, thuận giải thoát

Thuận phần quyết trạch ba

Cảm Niết-bàn, quả ái

Thiện Thánh đạo thứ lớp.

Luận chép: Thuận với phần phước thiện nghĩa là chiêu cảm hạt giống quả ái trong hàng người, trời, v.v... của thế gian. Do sức ái này, nên chiêu cảm dòng họ cao sang trong thế gian, sắc tốt đẹp, giàu to, Luân vương, Đế thích, Ma vương, Phạm vương. Là các quả đáng yêu của loại như thế, v.v... Thuận với phần giải thoát thiện gọi là an lập A-thế-da thiện giải thoát, khiến cho không nghiêng động. Do đó chắc chắn nhập Niết-bàn, sẽ được rõ về địa, v.v... tự tánh căn thiện này, nên biết, như được rõ về các xứ Hiền Thánh đã nói. Thuận với phần quyết trạch thiện nghĩa là bốn pháp như Noãn, v.v..., tự tánh căn thiện này cũng như về sau, nói về nói của xứ Hiền Thánh.

Như thế gian nói về viết chép, in, toán, văn số. Tự thể của năm loại này thì thế nào? Nên biết, Tụng rằng:

Các chỗ hướng như lý

Ba nghiệp, đều phát khởi

Thứ lớp là sách in

Tự thể toán, văn, số.

Luận chép: Như lý khởi, nghĩa là chánh phương tiện sinh, ba nghiệp nên biết, tức thân, ngữ, ý. Chủ thể phát, tức là chủ thể khởi ba nghiệp này, như đối tượng thích ứng của ba nghiệp đó, là pháp thọ, tưởng, v.v...

Viết, in trong đây, dùng thân nghiệp ở trước và chủ thể phát năm uẩn làm thể, không phải các chữ, tượng, gọi là viết, chạm trở, in, hoa văn, nên biết gọi là viết, in trong đây. Kế là toán và văn, dùng ngữ nghiệp trước và chủ thể phát kia, dùng năm uẩn làm thể. Số sau, nên

biết. Dùng ý nghiệp trước và chủ thể phát kia, lấy bốn uẩn làm thể, chỉ do ý tứ, là pháp đếm, nên nói về Thánh giáo. Trong các pháp tướng, phần ít tên khác, khiến cho không mê lầm. Tụng rằng:

*Thiện vô lậu gọi diệu Nhiễm có tội, che,
yếu Thiện hữu vi nên tập Giải thoát gọi vô
thượng.*

Luận chép: Pháp vô lậu thiện, cũng gọi là diệu. Pháp hữu lậu nhiễm, vô ký vượt hơn, các pháp nhiễm ô cũng gọi là có tội, bị những người hiểu biết quả trách, nhàm chán, cũng gọi là hữu phú, vì ngăn che đạo giải thoát, nên cũng gọi là yếu kém, vì rất thô bỉ, cấu uế nên từ bỏ. Căn cứ ở diệu và yếu kém này, còn ở giữa đã thành, nên bài tụng không nói tức thiện hữu lậu. Vô phú vô ký, gọi chung là chính giữa. Các thiện hữu vi, cũng gọi là nên tập, pháp khác không phải nên tập. Về nghĩa, so sánh đã thành. Giải thoát, Niết-bàn, cũng gọi là vô thượng, do không có một pháp nào có thể vượt hơn Niết-bàn, là thiện, là thường, vì siêu việt các pháp. Niết-bàn là thiện, vì rất yên ổn, pháp khác có nghĩa thượng, so sánh đã thành, tức tất cả hữu vi, hư không phi trạch diệt, vì không đủ như trước nói tướng thiện, thường.

